**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2020/DS-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**; Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phan Minh N, CV Quản lý nợ - Phòng Kiểm soát rủi ro, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 130 - 132 B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *(theo giấy ủy quyền số 310/2020/UQ-CNĐN ngày 29.02.2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng);* Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng V,** sinh năm 1991; Nơi cư trú: K232/7 đường D, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Lê Phan Minh N trình bày:

Ngày 09.05.2017, ông Nguyễn Hoàng V có ký với Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại thành phố Đà Nẵng (gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng *(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).* Căn cứ vào thu nhập của ông V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện giao dịch với số tiền là 15.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông V đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 1.140.000đ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30.11.2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (tiền gốc và lãi trong hạn) sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16.7.2020, ông Nguyễn Hoàng V còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 17.025.982đ; Nợ lãi quá hạn: 21.047.898đ, lãi tính đến ngày 16.7.2020; Tổng cộng: 38.073.880đ. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán ngay các khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông V trả nợ, tuy nhiên ông V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Vì vậy, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng V phải trả số tiền còn nợ là 38.073.880đ, trong đó nợ gốc là 17.025.982đ và nợ lãi là 21.047.898đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S khởi kiện vụ án Dân sự về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" đối với ông Nguyễn Hoàng V; Nơi cư trú: K232/7 đường D, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngày 14.01.2020 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Phan Minh N cho rằng ngày 09.05.2017 ngân hàng TMCP S đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức tối đa là 15.000.000đ cho ông Nguyễn Hoàng V. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày 30.11.2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn nên yêu cầu Tòa án buộc ông V thanh toán tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 38.073.880đ. Căn cứ vào các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Ngày 09.5.2017, ông Nguyễn Hoàng V có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ *(với mục đích tiêu dùng cá nhân)*, lãi suất 2,15%/tháng trên số tiền giao dịch, thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 15.000.000đ, ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.140.000đ. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, ngày 30.11.2017 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu *(gồm tiền gốc và lãi trong hạn)* sang nợ quá hạn là phù hợp với Điều 2 và Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 38.073.880đ, trong đó tiền gốc là 17.025.982đ và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16.7.2020 là 21.047.898đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.903.694đ (38.073.880đ x 5%), theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

**Tuyên xử :**

**1.** Buộc ông Nguyễn Hoàng V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 38.073.880đ *(ba mươi tám triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi đồng)*, trong đó, tiền gốc là 17.025.982đ và nợ lãi quá hạn là 21.047.898đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu 1.903.694đ *(một triệu, chín trăm lẻ ba ngàn, sáu trăm chín mươi tư đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 780.000đ (*bảy trăm tám mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001703, ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử sơ thẩm tại nơi cư trú.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN HOÀNG VŨ**